

Số: 21/2025/NQ-HĐND

Điện Biên, ngày 09 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã trên địa bàn tỉnh Điện Biên, giai đoạn 2026-2030

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Xét Tờ trình số 6681/TTr-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị ban hành Nghị quyết quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã trên địa bàn tỉnh Điện Biên, giai đoạn 2026-2030; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh số 113/BC-KTNS ngày 07 tháng 12 năm 2025; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết Ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã trên địa bàn tỉnh Điện Biên, giai đoạn 2026-2030.

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã trên địa bàn tỉnh Điện Biên, giai đoạn 2026-2030.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 03/2025/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi các cấp ngân sách địa phương 06 tháng cuối năm 2025 tỉnh Điện Biên và Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên Quy định phân chia nguồn thu tiền chậm nộp cho ngân sách các cấp chính quyền địa phương giai đoạn 2022-2025, tỉnh Điện Biên.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên khóa XV, Kỳ họp thứ Hai mươi tư thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và QLXLVPHC- Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh; UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội tỉnh; Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- LĐ, CV Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- HĐND, UBND các xã, phường;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Điện Biên;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị - Nhà khách tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trang TTĐT Tổng hợp Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Lê Thành Đô

QUY ĐỊNH

**Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia
các khoản thu giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã trên địa bàn
tỉnh Điện Biên, giai đoạn 2026-2030**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 21/2025/NQ-HĐND)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã trên địa bàn tỉnh Điện Biên, giai đoạn 2026-2030.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Các cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng, các tổ chức chính trị và tổ chức chính trị xã hội.
- Các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp được ngân sách nhà nước hỗ trợ theo nhiệm vụ Nhà nước giao.
- Các đơn vị sự nghiệp công lập.
- Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Điều 3. Nguyên tắc phân cấp

- Bảo đảm thực hiện đúng các quy định của Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật.
- Ngân sách cấp tỉnh giữ vai trò chủ đạo, bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của tỉnh. Đẩy mạnh phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi cho ngân sách cấp xã, phường (sau đây gọi chung là cấp xã) để tạo quyền chủ động và đề cao vai trò, trách nhiệm của cấp chính quyền cơ sở trong công tác quản lý điều hành ngân sách, sử dụng tài sản, tiền vốn nhà nước.
- Phân cấp nguồn thu cho các cấp ngân sách địa phương bảo đảm nguyên tắc tăng cường phân cấp cho cơ sở, gắn với nhiệm vụ và khả năng quản lý của từng cấp; cấp nào quản lý tốt nguồn thu, có hiệu quả thì phân cấp quản lý thu và điều tiết cho cấp ngân sách đó, hạn chế một đối tượng thu nhiều đơn vị thu quản lý và một khoản thu điều tiết nhiều cấp ngân sách.
- Bảo đảm phù hợp với các phân cấp nhiệm vụ quản lý kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của địa phương; phù hợp với tình hình thực tế, điều kiện, năng lực, trình độ quản lý của từng cấp ngân sách.

Chương II

PHÂN CẤP NGUỒN THU VÀ TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU GIỮA NGÂN SÁCH CẤP TỈNH VÀ NGÂN SÁCH CẤP XÃ

Điều 4. Các khoản thu ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%

1. Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước Trung ương; khu vực doanh nghiệp nhà nước địa phương; khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; khu vực kinh tế ngoài quốc doanh; các đơn vị sự nghiệp công lập có thu do cơ quan thuế tỉnh quản lý bao gồm: Thuế giá trị gia tăng, Thuế thu nhập doanh nghiệp, Thuế tiêu thụ đặc biệt và các khoản thu khác theo quy định của pháp luật quản lý thuế.

2. Thuế giá trị gia tăng (1%) từ các công trình, hạng mục công trình trên địa bàn các xã, phường do doanh nghiệp ngoài tỉnh thực hiện và các công trình, hạng mục công trình liên xã, phường do doanh nghiệp trong tỉnh thực hiện.

3. Thuế thu nhập cá nhân từ tiền lương, tiền công của người lao động tại các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế; cán bộ, công chức, viên chức tại các cơ quan hành chính, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh thực hiện khấu trừ của người nộp thuế để nộp ngân sách nhà nước; các khoản thu nhập cá nhân khác do cơ quan thuế tỉnh quản lý thu.

4. Thuế bảo vệ môi trường

5. Thu tiền cho thuê đất từ các dự án do cấp tỉnh làm chủ đầu tư, quản lý; Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước phát sinh do các tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, các doanh nghiệp nộp.

6. Thuế tài nguyên nước thu từ Nhà máy thủy điện Sơn La, Nhà máy thủy điện Lai Châu và công trình khai thác tài nguyên nước là hồ chứa mà phạm vi công trình nằm trên địa bàn từ 02 tỉnh trở lên; Thu từ thủy điện Nà Loi, Thác Báy, Nậm Pay.

7. Thu tiền cho thuê và bán nhà thuộc sở hữu nhà nước do cấp tỉnh quản lý.

8. Thu từ hoạt động xổ số.

9. Các khoản thu hồi vốn của ngân sách địa phương đầu tư tại các tổ chức kinh tế; cổ tức được chia bằng tiền, lợi nhuận được chia tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của Nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh là cơ quan đại diện chủ sở hữu; thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do Ủy ban nhân dân tỉnh là cơ quan đại diện chủ sở hữu.

10. Thu từ quỹ dự trữ tài chính địa phương.

11. Thu từ bán, thanh lý tài sản công, kể cả thu từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất do các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, các đơn vị sự nghiệp công lập, các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu đơn vị hoặc doanh

nghiệp mà có vốn của ngân sách địa phương tham gia trước khi thực hiện cổ phần hóa, sắp xếp lại và các đơn vị, tổ chức khác thuộc cấp tỉnh quản lý (phần phải nộp ngân sách nhà nước theo quy định).

12. Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước, sau khi trừ đi các chi phí theo quy định của pháp luật do các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc cấp tỉnh xử lý.

13. Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, tổ chức khác, cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho ngân sách cấp tỉnh.

14. Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do các cơ quan nhà nước cấp tỉnh thực hiện. Các khoản phí thu từ các hoạt động dịch vụ công do đơn vị sự nghiệp công lập và tổ chức cấp tỉnh được cơ quan có thẩm quyền giao cung cấp dịch vụ công nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật (bao gồm phí bảo vệ môi trường).

15. Lệ phí do các cơ quan nhà nước cấp tỉnh thực hiện thu.

16. Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản do cơ quan có thẩm quyền của trung ương cấp phép (phần ngân sách địa phương được hưởng); Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản do tỉnh cấp phép do tổ chức, cá nhân cấp tỉnh quản lý nộp.

17. Thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước từ nhà máy thủy điện Sơn La, nhà máy thủy điện Lai Châu và công trình khai thác tài nguyên nước là hồ chứa mà phạm vi công trình nằm trên địa bàn từ 02 tỉnh trở lên; thu từ nhà máy thủy điện Nà Loi, Thác Báy, Nậm Pây.

18. Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan nhà nước cấp tỉnh thực hiện.

19. Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cho ngân sách tỉnh.

20. Huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật cho ngân sách cấp tỉnh.

21. Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

22. Tiền chậm nộp các khoản thu từ khoản 1 đến khoản 18 và khoản 21 điều này theo quy định của pháp luật.

23. Thu kết dư ngân sách cấp tỉnh.

24. Thu chuyển nguồn của ngân sách tỉnh từ năm trước chuyển sang.

25. Thu bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương.

(Chi tiết các khoản thu ngân sách cấp tỉnh tại Phụ lục kèm theo)

Điều 5. Các khoản thu ngân sách cấp xã hưởng 100%

1. Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh; các đơn vị sự nghiệp công lập có thu do cơ quan thuế cơ sở quản lý bao gồm: Thuế giá trị gia tăng, Thuế thu nhập doanh nghiệp, Thuế tiêu thụ đặc biệt và các khoản thu khác theo quy định của pháp luật quản lý thuế.

2. Thuế giá trị gia tăng (1%) từ các công trình, hạng mục công trình trên địa bàn các xã, phường do doanh nghiệp trong tỉnh thực hiện (trừ các công trình, hạng mục công trình liên xã, phường).

3. Thuế thu nhập cá nhân từ tiền lương, tiền công của người lao động tại các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế; cán bộ, công chức, viên chức tại các cơ quan hành chính, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị sự nghiệp cấp xã thực hiện khấu trừ của người nộp thuế để nộp ngân sách nhà nước; Thuế thu nhập cá nhân từ hoạt động cho thuê tài sản và chuyển nhượng bất động sản của cá nhân trên địa bàn cấp xã; các khoản thu nhập cá nhân khác do cơ quan thuế cơ sở quản lý thu.

4. Thu tiền sử dụng đất (phần ngân sách địa phương được hưởng) khi chuyển mục đích sử dụng đất có thu tiền sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

5. Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước do cá nhân, hộ gia đình nộp.

6. Thuế tài nguyên nước (trừ thuế tài nguyên nước ngân sách cấp tỉnh hưởng). Trong đó:

a) Thuế tài nguyên nước phát sinh của Nhà máy thủy điện Trung Thu được phân chia: ngân sách xã Pa Ham hưởng 40%, ngân sách xã Nậm Nền hưởng 30%, ngân sách xã Sính Phình hưởng 30%.

b) Thuế tài nguyên nước phát sinh của Nhà máy thủy điện Nậm Mực được phân chia: ngân sách xã Nậm Nền hưởng 50%, ngân sách xã Mường Mùn hưởng 50%.

c) Thuế tài nguyên nước phát sinh của Nhà máy thủy điện Long Tạo được phân chia: ngân sách xã Na Sang hưởng 60%, ngân sách xã Nậm Nền hưởng 20%, ngân sách xã Mường Mùn hưởng 20%.

d) Thuế tài nguyên nước phát sinh của Nhà máy thủy điện Sông Mã 3 được phân chia: ngân sách xã Mường Luân hưởng 10%, ngân sách xã Phình Giàng hưởng 22%, ngân sách xã Xa Dung hưởng 32%, ngân sách xã Tà Đình hưởng 36%.

e) Thuế tài nguyên nước phát sinh của Nhà máy thủy điện Mường Luân 1 được phân chia: ngân sách xã Phì Nhừ hưởng 20%, ngân sách xã Mường Luân hưởng 80%.

7. Thuế tài nguyên khác.

8. Thuế sử dụng đất nông nghiệp.

9. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp.

10. Thu tiền cho thuê và bán nhà thuộc sở hữu nhà nước do cấp xã quản lý.

11. Lệ phí trước bạ.

12. Thu từ bán, thanh lý tài sản công, kể cả thu từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất do các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị,

các tổ chức chính trị - xã hội, các đơn vị sự nghiệp công lập và các đơn vị, tổ chức khác thuộc cấp xã quản lý (phần phải nộp ngân sách nhà nước theo quy định).

13. Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước, sau khi trừ đi các chi phí theo quy định của pháp luật do các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc cấp xã xử lý.

14. Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, tổ chức khác, cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho ngân sách cấp xã.

15. Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do các cơ quan nhà nước cấp xã thực hiện. Các khoản phí thu từ các hoạt động dịch vụ công do đơn vị sự nghiệp công lập và tổ chức cấp xã được cơ quan có thẩm quyền giao cung cấp dịch vụ công nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật (bao gồm phí bảo vệ môi trường).

16. Lệ phí do các cơ quan nhà nước cấp xã thực hiện thu.

17. Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được tỉnh cấp phép do tổ chức, cá nhân cấp xã quản lý nộp.

18. Thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước (trừ tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước ngân sách cấp tỉnh hưởng), trong đó:

a) Thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước phát sinh của Nhà máy thủy điện Trung Thu được phân chia: ngân sách xã Pa Ham hưởng 40%, ngân sách xã Nậm Nèn hưởng 30%, ngân sách xã Sính Phình hưởng 30%.

b) Thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước phát sinh của Nhà máy thủy điện Nậm Mực được phân chia: ngân sách xã Nậm Nèn hưởng 50%, ngân sách xã Mường Mùn hưởng 50%.

c) Thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước phát sinh của Nhà máy thủy điện Long Tạo được phân chia: ngân sách xã Na Sang hưởng 60%, ngân sách xã Nậm Nèn hưởng 20%, ngân sách xã Mường Mùn hưởng 20%.

d) Thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước phát sinh của Nhà máy thủy điện Sông Mã 3 được phân chia: ngân sách xã Mường Luân hưởng 10%, ngân sách xã Phình Giàng hưởng 22%, ngân sách xã Xa Dung hưởng 32%, ngân sách xã Tia Đình hưởng 36%.

e) Thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước phát sinh của Nhà máy thủy điện Mường Luân 1 được phân chia: ngân sách xã Phì Nhừ hưởng 20%, ngân sách xã Mường Luân hưởng 80%.

19. Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan nhà nước cấp xã thực hiện.

20. Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác.

21. Thu từ hoạt động kinh doanh của cá nhân, hộ kinh doanh.

22. Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cho ngân sách cấp xã.

23. Huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật cho ngân sách cấp xã.

24. Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

25. Tiền chậm nộp các khoản thu từ khoản 1 đến khoản 21 và khoản 24 điều này theo quy định của pháp luật.

26. Thu kết dư ngân sách cấp xã.

27. Thu chuyển nguồn của ngân sách cấp xã từ năm trước chuyển sang.

28. Thu bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh.

(Chi tiết các khoản thu ngân sách cấp xã tại Phụ lục kèm theo)

Điều 6. Khoản thu phân chia giữa ngân sách cấp tỉnh với ngân sách cấp xã (Phần ngân sách địa phương được hưởng)

1. Thu tiền sử dụng đất do cấp tỉnh đầu tư, quản lý (bao gồm thu tiền chậm nộp) được phân chia: ngân sách cấp tỉnh hưởng 80%, ngân sách cấp xã hưởng 20%.

2. Thu tiền sử dụng đất do cấp xã đầu tư, quản lý (bao gồm thu tiền chậm nộp) được phân chia: ngân sách cấp tỉnh hưởng 20%, ngân sách cấp xã hưởng 80%.

Chương III
PHÂN CẤP NHIỆM VỤ CHI GIỮA NGÂN SÁCH CẤP TỈNH VÀ
NGÂN SÁCH CẤP XÃ

Điều 7. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp tỉnh

1. Chi đầu tư phát triển

a) Đầu tư cho các chương trình, dự án, nhiệm vụ và đối tượng đầu tư công khác do ngân sách tỉnh quản lý theo quy định của Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 và thực hiện nhiệm vụ chi quy định tại điểm d khoản 5 Điều 9 của Luật ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15.

b) Đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thiết yếu cho xã hội do Nhà nước đặt hàng; các tổ chức kinh tế; các tổ chức tài chính của tỉnh; đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp của tỉnh theo quy định của pháp luật.

c) Cấp bù chênh lệch lãi suất, phí quản lý và ủy thác cho vay qua ngân hàng chính sách để thực hiện các chính sách phát triển kinh tế - xã hội tại tỉnh.

d) Các khoản chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật.

2. Chi thường xuyên của các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh được phân cấp quản lý trong các lĩnh vực

a) Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, bao gồm hoạt động giáo dục trung học phổ thông, phổ thông dân tộc nội trú và các hoạt động giáo dục khác; đào tạo đại học, cao đẳng, trung cấp, giáo dục nghề nghiệp và các hình thức đào tạo, bồi dưỡng khác;

b) Sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, bao gồm các nhiệm vụ ứng dụng khoa học và công nghệ, các hoạt động sự nghiệp khoa học, công nghệ khác; đổi mới sáng tạo dựa trên đổi mới công nghệ, sáng tạo công nghệ, nâng cao hiệu suất công nghệ; cung cấp dịch vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; hoạt động sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, sáng tạo tri thức và hoạt động liên quan khác;

c) Quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội phân giao địa phương quản lý; hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách trung ương.

d) Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình, bao gồm hoạt động y tế dự phòng, khám bệnh, chữa bệnh; kinh phí đóng và hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho các đối tượng do ngân sách nhà nước đóng hoặc hỗ trợ theo quy định của Luật bảo hiểm y tế; vệ sinh an toàn thực phẩm; dân số và gia đình; các hoạt động y tế khác;

đ) Sự nghiệp văn hóa thông tin, bao gồm bảo tồn, bảo tàng, thư viện, trùng tu di tích lịch sử, lưu trữ lịch sử, các hoạt động sáng tạo văn học, nghệ thuật và các hoạt động văn hóa, thông tin khác;

e) Sự nghiệp phát thanh, truyền hình;

g) Sự nghiệp thể dục, thể thao, bao gồm bồi dưỡng, huấn luyện huấn luyện viên, vận động viên các đội tuyển cấp tỉnh; các giải thi đấu cấp tỉnh; quản lý các cơ sở thi đấu thể thao và các hoạt động thể dục, thể thao khác;

h) Sự nghiệp bảo vệ môi trường, bao gồm hoạt động điều tra, phòng ngừa và kiểm soát ô nhiễm môi trường; khắc phục sự cố và bảo vệ môi trường; ứng phó với biến đổi khí hậu; bảo đảm nước sạch và vệ sinh môi trường và hoạt động bảo vệ môi trường khác;

i) Các hoạt động kinh tế:

Sự nghiệp giao thông, bao gồm hoạt động quản lý, bảo trì, sửa chữa, bảo đảm hoạt động, an toàn giao thông đường bộ, đường thủy nội địa và hoạt động giao thông khác;

Sự nghiệp nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, thủy lợi và phát triển nông thôn, bao gồm hoạt động phát triển nông, lâm, thủy sản, thủy lợi; xây dựng nông thôn mới và hoạt động phát triển nông thôn khác;

Sự nghiệp tài nguyên, bao gồm hoạt động điều tra, quản lý đất đai, tài nguyên; đo đạc và bản đồ, đo đạc địa giới hành chính; lưu trữ hồ sơ địa chính và hoạt động quản lý tài nguyên khác;

Quy hoạch; xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch;

Sự nghiệp kiến thiết thị chính: duy tu, bảo dưỡng hệ thống đèn chiếu sáng, vỉa hè, hệ thống cấp nước, thoát nước, công viên và các hoạt động kiến thiết thị chính khác;

Các hoạt động kinh tế khác, bao gồm cả tìm kiếm cứu nạn, an toàn vệ sinh lao động;

k) Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh; hỗ trợ các tổ chức xã hội theo quy định của pháp luật.

l) Chi bảo đảm xã hội, bao gồm các trại xã hội, cứu tế xã hội, cứu đói, phòng chống các tệ nạn xã hội và các chính sách an sinh xã hội khác; thực hiện các chính sách xã hội đối với các đối tượng do địa phương bảo đảm theo quy định của pháp luật;

m) Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

3. Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền cấp tỉnh vay.

4. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương.

5. Chi viện trợ theo quy định của Chính phủ.

6. Chi cho vay theo quy định của Chính phủ.

7. Chi chuyển nguồn sang năm sau của ngân sách cấp tỉnh.

8. Chi bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp xã.

9. Chi hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ quy định tại các điểm a, b và c khoản 5 Điều 9 của Luật số 89/2025/QH15.

Điều 8. Nhiệm vụ chi ngân sách cấp xã

1. Chi đầu tư phát triển

a) Đầu tư cho các chương trình, dự án, nhiệm vụ và đối tượng đầu tư công khác do cấp xã quản lý theo quy định của Luật Đầu tư công theo phân cấp.

b) Đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thiết yếu cho xã hội do Nhà nước đặt hàng; các tổ chức kinh tế; các tổ chức tài chính theo phân cấp.

c) Các khoản chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật.

2. Chi thường xuyên của các cơ quan, đơn vị cấp xã được phân cấp quản lý trong các lĩnh vực

a) Giáo dục - đào tạo, bao gồm hoạt động giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học và giáo dục trung học cơ sở và các hình thức đào tạo khác.

b) Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo phân cấp.

c) Quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội theo phân cấp.

d) Lĩnh vực y tế, bao gồm hoạt động y tế dự phòng; khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng; phòng, chống tệ nạn xã hội (không bao gồm cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy); bảo trợ xã hội; bảo hiểm y tế, bảo vệ chăm sóc sức khỏe đối với các cán bộ, đối tượng chính sách do cấp xã quản lý, hoạt động phòng chống dịch, bệnh và các hoạt động y tế khác theo phân cấp.

đ) Văn hóa thông tin, bao gồm thư viện, thông tin cơ sở; thông tin đối ngoại; bưu chính; ứng dụng công nghệ thông tin (không bao gồm an toàn thông tin, an ninh mạng); giao dịch điện tử; chính quyền số; kinh tế số, xã hội số và chuyển đổi số; hạ tầng thông tin theo phân cấp.

e) Phát thanh, truyền hình

f) Thể dục, thể thao, bao gồm bồi dưỡng, huấn luyện vận động viên các đội tuyển cấp xã; các giải thi đấu cấp xã; quản lý các cơ sở thi đấu thể dục thể thao và các hoạt động thể dục thể thao khác.

g) Bảo vệ môi trường, bao gồm thu gom, xử lý rác thải và các hoạt động môi trường khác theo phân cấp.

h) Các hoạt động kinh tế, bao gồm duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cải tạo các công trình phúc lợi, các công trình kết cấu hạ tầng, các công trình khác do xã quản lý; hỗ trợ khuyến khích phát triển các hoạt động kinh tế như: khuyến công, khuyến nông, khuyến ngư, khuyến lâm theo chế độ quy định; các hoạt động kinh tế khác.

i) Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã, các tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã; hỗ trợ các tổ chức xã hội theo quy định của pháp luật.

k) Chi bảo đảm xã hội, bao gồm cứu tế xã hội, cứu đói, phòng chống các tệ nạn xã hội và các chính sách an sinh xã hội khác; thực hiện các chính sách xã hội đối với các đối tượng do cấp xã bảo đảm theo quy định của pháp luật;

l) Các khoản chi thường xuyên khác theo quy định của pháp luật.

3. Chi chuyển nguồn sang năm sau của ngân sách cấp xã.

4. Chi hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ quy định tại các điểm a, b và c khoản 5 Điều 9 của Luật số 89/2025/QH15.
